

## **1. Một số chủ trương, chính sách phát triển kinh tế- xã hội ở địa phương những năm đầu giải phóng.**

**\* Hội nghị Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I (từ ngày 23 đến 29/2/1976) đã xác định tám yêu cầu về phát triển kinh tế và văn hoá trong giai đoạn của những năm trước mắt đó là:**

*Một là:* Khôi phục và phát triển nông, lâm nghiệp và chăn nuôi cả về mặt diện tích, năng suất, sản lượng so năm 1974. Trước mắt vừa đẩy mạnh sản xuất lương thực trên địa bàn dưới nhiều hình thức vỡ hóa, khai hoang, tăng vụ, thâm canh... đi đôi với phát triển chăn nuôi, thực hiện tự túc một phần lớn lương thực và thực phẩm vừa khôi phục, bảo dưỡng và phát triển (có mức độ) cây công nghiệp và cây đặc sản khác nhằm bảo đảm phương hướng chung trong tỉnh là phát huy thế mạnh về cây công nghiệp.

*Hai là:* Về sản xuất công nghiệp chú trọng công nghiệp chế biến, cơ khí, vật liệu xây dựng; trước mắt đảm bảo cho yêu cầu chế biến trong ngành cây công nghiệp, lương thực thực phẩm, gỗ... kể cả khâu chế biến để xuất khẩu, đảm bảo sửa chữa máy móc phục vụ cho nông nghiệp, giao thông vận tải và vật liệu nguyên liệu cho ngành xây dựng ngành sản xuất đồ sứ, khôi phục cơ sở sản xuất phân bón.

*Ba là:* Về giao thông vận tải, ngoài việc tu bổ những đường đã có, cần tập trung sức mở các tuyến đường cho các vùng kinh tế mới trọng điểm là vùng 3 (Lâm Đồng); tổ chức quản lý nâng cấp một số đường đã hư xấu như đường 21(Đức Trọng); hệ thống đường trong thành phố Đà Lạt. Tổ chức luồng vận tải đảm bảo khối lượng hàng hoá và hành khách đi lại .

*Bốn là:* Điều chỉnh một bước vấn đề phân bổ lao động, dân số (khoảng 1 vạn người) và một phần số tiểu thương của thành phố, thị xã (kể cả số dư trong biên chế nhà nước) về nông thôn sản xuất nông nghiệp từng bước định canh định cư đồng bào dân tộc ít người và chuẩn bị tiếp nhận từ 2.000 đến 5.000 lao động của Hà Nội và Hà Tây vào .

*Năm là:* khắc phục mọi khó khăn đảm bảo lương thực, thực phẩm hàng tiêu dùng nhất là nhiên, vật liệu và phụ tùng máy móc cung cấp kịp thời cho các ngành sản xuất và đời sống. Ổn định dần giá cả thị trường, tổ chức mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và thực hiện việc hợp đồng hai chiều giữa Nhà nước với các thành phần kinh tế - quốc doanh, tập thể, tư bản, tư doanh, cá thể thông qua tổ chức đoàn thể của họ chỉ đạo tốt vấn đề lưu thông phân phối giá cả thị trường, có lợi cho hướng phát triển kinh tế và ổn định đời sống nhân dân địa phương (cả ở thành thị, nông thôn, miền núi) dần dần hạn chế quan

hệ bóc lột của tư sản thương nghiệp đối với quần chúng lao động nhất là đối với nông dân và quần chúng vùng dân tộc.

*Sáu là:* tăng cường khâu tài chính, nắm chắc các nguồn thu chính trong địa phương nhất là đối với các ngành kinh doanh- lâm nghiệp, cây công nghiệp, thương nghiệp kể cả khâu ngoại thương, chính đôn công tác thuế. Kiện toàn hệ thống ngân hàng, làm tốt chức năng hướng dẫn, tạo vốn cho các cơ sở quốc doanh, tập thể, tư nhân vay vốn để kinh doanh sản xuất.

*Bảy là:* đẩy mạnh công tác văn hoá, giáo dục, y tế . Phát triển hệ giáo dục phổ thông bằng tu bổ, mở rộng trường lớp (đặc biệt đối với vùng dân tộc), chú ý cả hệ mẫu giáo và bổ túc văn hoá. Khâu chính là nâng cao chất lượng giáo viên, nâng trình độ lý luận, chính trị, tư tưởng và năng lực phương pháp giảng dạy của họ. Mở rộng mạng lưới thông tin văn hóa, y tế, hướng vào phục vụ công nông, phục vụ sản xuất, đẩy mạnh khâu văn hoá quần chúng, phong trào sạch khoẻ trong nhân dân, đẩy lên một khí thế sôi nổi tham gia sản xuất xây dựng nếp sống mới, con người mới XHCN.

*Tám là:* Xúc tiến công tác điều tra quy hoạch, phân vùng kinh tế, chuẩn bị cho việc phát triển kinh tế lâu dài, hoàn thành việc lập kế hoạch 5 năm tới (1976-1980)

**\* Đại hội tỉnh Đảng bộ Lâm Đồng lần thứ II (từ ngày 02 đến 8/10/1979) đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm trong 2 năm 1980,1981:**

*Một là:* Đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm nhằm chủ động giải quyết căn bản nhu cầu tại chỗ cho mọi tình huống .

*Hai là:* Tích cực sản xuất hàng xuất khẩu, hàng tiêu dùng trên cơ sở phát huy thế mạnh về các loại đặc sản, kết hợp với tận dụng sức lao động và tay nghề hiện có của địa phương, để tăng cường khả năng xuất khẩu và đáp ứng một phần nhu cầu hàng tiêu dùng của nhân dân .

*Ba là:* Đặc biệt chú trọng hơn nữa phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tận dụng ruộng đất hiện có và mở thêm diện tích mới bằng cách khai hoang một cách hợp lý, mà trọng tâm hàng đầu là sản xuất lương thực, thực phẩm, nhằm giải quyết cơ bản vấn đề lương thực, tăng nguồn thực phẩm tại chỗ, đồng thời ra sức phát huy các thế mạnh của địa phương về gỗ, nhựa thông, cây công nghiệp... đảm bảo nhu cầu nguyên liệu cho công nghiệp và hàng xuất khẩu .

*Bốn là:* Phát triển công nghiệp địa phương, nhất là tiểu thủ công nghiệp, mà trọng tâm là cơ khí và sản xuất hàng tiêu dùng hàng xuất khẩu bằng nguyên liệu địa phương .

**\* Đại hội tỉnh Đảng bộ Lâm Đồng lần thứ III (từ ngày 24 đến 28/3/1983) xác định 4 mục tiêu kinh tế- xã hội trong 3 năm 1983-1985:**

*Một là:* Đáp ứng nhu cầu thiết yếu về đời sống: Về lương thực, phấn đấu sản xuất tự đáp ứng phần lớn nhu cầu của tỉnh. Đẩy mạnh sản xuất đủ dùng về thực phẩm chủ yếu như rau, thịt, trứng, dầu ăn, đường, một phần cá (chủ yếu nước ngọt), đồng thời trao đổi với nơi khác để có thêm cá biển, nước mắm ...

Về vải mặc, phải đảm bảo được mức của Nhà nước quy định, đồng thời tự sản xuất và thông qua trao đổi hàng hóa nhằm bảo đảm nhu cầu thiết yếu về vải mặc cho nhân dân.

Về thuốc chữa bệnh, tăng cường nuôi trồng, khai thác, chế biến dược liệu địa phương, sản xuất tự bảo đảm phần lớn các loại thuốc chữa bệnh thông thường, tăng thêm một phần thuốc bổ và nhập các loại thuốc còn thiếu, bảo đảm mức tiêu dùng thuốc thiết yếu trong nhân dân.

Bảo đảm đủ giấy, bàn, ghế và các phương tiện cần thiết cho học sinh. Tích cực giải quyết nhà ở theo tiêu chuẩn cho cán bộ, công nhân viên chức, chú trọng khu vực sản xuất; tạo điều kiện thuận lợi và có kế hoạch để nhân dân tự giải quyết nhà ở một cách hợp lý. Giải quyết tốt hơn nhu cầu điện, nước cho thành phố, thị trấn.

*Hai là:* Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật của CNXH: Tập trung xây dựng cơ sở vật chất- kỹ thuật phục vụ thâm canh, tăng vụ vùng lương thực, củng cố, nâng cao năng suất, phẩm cấp vùng trà, cà phê, dâu tằm hiện có và phát triển nhanh, vững chắc diện tích trồng mới; bảo vệ và phát triển trồng rừng, chuyên cơ cấu sản xuất vùng rau. Đồng thời từng bước mở rộng và xây dựng đồng bộ cơ sở trọng điểm về chế biến các sản phẩm từ thế mạnh, nhất là các mặt hàng xuất khẩu. Mở rộng du lịch, tích cực sửa chữa nhà cửa, tăng thêm cơ sở dịch vụ. Củng cố năng lực cơ khí, vật liệu xây dựng, giao thông, phát triển thủy điện nhỏ. Đầu tư thích đáng phát triển khoa học - kỹ thuật; chú ý đầu tư một số cơ sở thiết yếu về văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội.

*Ba là:* Đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới: Củng cố và phát huy vai trò kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, coi trọng phát triển kinh tế gia đình và từng bước hoàn thiện, tăng cường quan hệ sản xuất XHCN trong nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp gắn liền với tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, xây dựng cơ cấu kinh tế, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển.

Phấn đấu đến cuối năm 1985, hoàn thành căn bản hợp tác hóa nông, lâm nghiệp dưới hình thức hợp tác xã là chủ yếu ở vùng kinh tế tập trung đông dân, và dưới hình thức tập đoàn sản xuất là chủ yếu đối với vùng thưa dân, hẻo lánh. Mở rộng mạng lưới hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng gắn chặt với hợp tác xã sản xuất. Mở rộng tổ, đội ngành, nghề trong hợp tác xã, củng cố và mở rộng các hợp tác xã và tổ hợp tiểu, thủ công nghiệp. Chuyển mạnh tiểu thương sang sản xuất và làm dịch vụ. Triệt để xóa bỏ

thành phần tư sản trong thương nghiệp, mở rộng đi đôi với chấn chỉnh thị trường có tổ chức, kiên quyết cải tạo, sắp xếp lại và quản lý thị trường “tự do”

*Bốn là:* Xây dựng quốc phòng toàn dân, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: Tăng cường đoàn kết các dân tộc, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chuyên chính vô sản, ra sức xây dựng và phát huy thực lực cách mạng ở cơ sở. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với xây dựng quốc phòng, xây dựng quốc phòng với phát triển kinh tế, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, kiên quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của kẻ thù, sớm giải quyết cơ bản vấn đề Fulrô, chủ động ngăn chặn và làm thất bại mọi hoạt động của các bọn phản động khác. Đặc biệt, chú trọng đẩy mạnh sản xuất, nâng cao đời sống, trước hết là các vùng trọng điểm, vùng căn cứ kháng chiến cũ, vùng dân tộc ít người. Chặn đứng và đẩy lùi có hiệu quả các biểu hiện tiêu cực trong xã hội, đi đôi với tích cực xây dựng nếp sống mới, con người mới và nền văn hóa mới XHCN...

## **2. Nhiệm vụ công tác thống kê:**

Đặc điểm của công tác quản lý kinh tế, xã hội nước ta thời kỳ này là kế hoạch hóa tập trung cao độ, những mục tiêu cơ bản đều phải theo chỉ tiêu kế hoạch được giao từ trên xuống. Do vậy, yêu cầu đặt ra với công tác thống kê thời kỳ này của cả nước nói chung và tỉnh Lâm Đồng nói riêng là trên cơ sở phương pháp thống kê xã hội chủ nghĩa, công tác thống kê phải luôn bám sát để phản ánh trung thực, kịp thời tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước từ cơ sở đến toàn quốc. Theo đó Chi cục Thống kê các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do Tổng cục Thống kê giao, đồng thời thực hiện nhiệm vụ thống kê do UBND tỉnh, thành phố giao:

- Tổ chức và chỉ đạo công tác thống nhất hạch toán kế toán và thống kê ở địa phương.

- Báo cáo Tổng cục Thống kê và UBND tỉnh các cấp bảng số liệu và phân tích về mức độ hoàn thành kế hoạch nhà nước và tình hình phát triển kinh tế – văn hóa từng thời kỳ ở địa phương, lập các báo cáo thực hiện về cân đối kinh tế, cung cấp các số liệu để địa phương nghiên cứu xây dựng kế hoạch dài hạn và ngắn hạn.

- Kiểm tra tính chính xác của số liệu về tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước của các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở.

- Thống nhất quản lý công bố và cung cấp số liệu thống kê của địa phương.

Đối với Phòng Thống kê huyện, thành phố (thuộc tỉnh) có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ do Tổng cục Thống kê, Chi cục Thống kê và UBND huyện, thị xã, thành phố giao:

- Tổ chức và chỉ đạo thực hiện các cuộc điều tra và chế độ báo cáo của Nhà nước trong phạm vi huyện, thành phố để gửi về Chi cục Thống kê; báo cáo với Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình thực hiện kế hoạch nhà nước, tình hình phát triển kinh tế và văn hóa của địa phương.

- Thống nhất quản lý và cung cấp số liệu thống kê của cấp huyện.

- Tổ chức thực hiện chế độ thống nhất hạch toán kế toán, thống kê và chế độ ghi chép ban đầu trong các đơn vị cơ sở quốc doanh do cấp huyện quản lý và các đơn vị cơ sở thuộc khu vực tập thể.

Trong thời gian đầu thành lập, ngành Thống kê tỉnh Lâm Đồng vừa ổn định tổ chức, vừa khẩn trương tiến hành ngay việc thu thập thông tin hệ thống hoá số liệu phục vụ sự quản lý của địa phương và Trung ương. Trọng tâm công tác lúc bấy giờ là thực hiện nhanh cuộc điều tra dân số phục vụ bầu cử chính quyền các cấp và công tác quản lý nhân hộ khẩu, lao động tại địa bàn. Tham gia kiểm kê tài sản, tiếp quản, đăng ký kinh doanh phục vụ công tác cải tạo tư bản tư doanh (1976-1977). Tiến hành điều tra thiệt hại chiến tranh năm 1976, điều tra nhà năm 1977, Tổng điều tra đất nông nghiệp năm 1978, Tổng điều tra dân số năm 1979 và triển khai chế độ báo cáo thống kê cơ sở đưa dần việc thu thập thông tin thống kê vào nề nếp. Đặc biệt trong cuộc Tổng điều tra dân số năm 1979, cán bộ và nhân dân tỉnh Lâm Đồng vinh dự được Chủ tịch Nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trao tặng Huân chương Lao động “**hạng Ba**”, trong đó sự đóng góp công sức rất lớn của CBCNV ngành Thống kê Lâm Đồng. Cũng trong thời gian này, Chi cục Thống kê được giao nhiệm vụ tổ chức các lớp nghiệp vụ sơ cấp thống kê (thời gian 03 tháng) gồm các môn học: Chính trị, kỹ thuật tính toán, nguyên lý kế hoạch, nguyên lý thống kê, thống kê nông nghiệp, thống kê công nghiệp-Giao thông vận tải, thống kê thương nghiệp- vật tư, thống kê dân số- lao động... để kịp thời bổ sung đội ngũ cán bộ thống kê cho ngành, các cấp và các cơ sở sản xuất kinh doanh trong tỉnh.

Việc thực hiện chế độ báo cáo thống kê của ngành Thống kê tỉnh Lâm Đồng giai đoạn này (báo cáo nhanh, báo cáo chính thức và điều tra thống kê) là cả một quá trình phấn đấu và trưởng thành toàn diện với sự hợp tác chặt chẽ giữa các phòng nghiệp vụ, các Phòng Thống kê huyện, thành phố Đà Lạt và các ngành, địa phương trong tỉnh.

*2.1. Về nội dung, chỉ tiêu báo cáo nhanh thời kỳ này được quy định cụ thể như sau:*

- Trong nông nghiệp là: tiến độ sản xuất các loại cây chính trong từng thời vụ qua các khâu chuẩn bị, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, thiên tai, dịch bệnh đối với cây trồng và gia súc.

- Trong công nghiệp là: Kết quả sản xuất và những khó khăn trong quá trình sản xuất một số loại sản phẩm là tư liệu sản xuất và tiêu dung thiết yếu; biện pháp giải quyết.

- Trong xây dựng cơ bản là: Tiến độ xây dựng các công trình trọng điểm; tiến độ xây dựng nhà ở, tiến độ khai hoang phục hóa...

- Trong cung ứng vật tư là: Xuất, nhập, tồn kho và cung ứng một số vật tư kỹ thuật chủ yếu...

- Trong thương nghiệp là: tiến độ nhập kho lương thực, thu mua, giá cả một số mặt hàng ở chợ đại diện; hàng xuất, nhập khẩu qua ngoại thương.

- Trong ngân hàng là: thu, chi tiền mặt.

- Về đời sống, y tế, giáo dục là: tình hình đời sống nông dân khi giáp hạt; diễn biến về kết quả phòng, chống dịch bệnh cho người; kết quả khai giảng và thi tốt nghiệp của các lớp học phổ thông.

Ngoài hệ thống chỉ tiêu báo cáo trên, còn phản ánh tình hình thực hiện kế hoạch, nguyên nhân khách quan, chủ quan, những khó khăn chủ yếu và những tình hình đặc biệt, đột xuất xảy ra nếu có.

Về thực hiện báo cáo thống kê định kỳ chính thức (thực hiện theo Quyết định số 168/TTg ngày 17/9/1970 của Thủ tướng Chính phủ - Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế). Hệ thống chỉ tiêu báo cáo đã phản ánh được khá đầy đủ các lĩnh vực hoạt động kinh tế - xã hội trong thời kỳ này. Hệ thống đó bao gồm những nội dung chính sau đây:

*a. Trong thống kê công nghiệp, điển hình như:*

- Công suất của những xí nghiệp công nghiệp chủ yếu.
- Số lượng và công suất thiết bị máy móc chủ yếu hiện có và đưa vào sử dụng.
- Sử dụng thời gian, công suất máy móc thiết bị chủ yếu.
- Sử dụng thời gian lao động của công nhân sản xuất công nghiệp.
- Năng suất lao động của công nhân sản xuất công nghiệp.

- Tổng quỹ tiền lương trong và ngoài danh sách.
- Giá trị tổng sản lượng.
- Giá trị sản lượng và giá trị sản lượng hàng hóa thực hiện.
- Sản lượng sản phẩm chủ yếu.
- Tiêu thụ và tồn kho sản phẩm chủ yếu
- Giá thành toàn bộ sản phẩm và sản phẩm hàng hóa.
- Chi phí sản xuất.

*b. Trong thống kê nông nghiệp, điển hình như:*

- Số lượng và quy mô nông trường quốc doanh.
- Số HTX, tập đoàn sản xuất nông nghiệp.
- Diện tích đất nông nghiệp, diện tích đất canh tác.
- Tăng, giảm diện tích đất canh tác.
- Diện tích ao, hồ, đầm nuôi cá và các loại thủy sản.
- Số lượng, công suất và năng suất thiết kế các công trình thủy lợi.
- Số hộ, nhân khẩu, lao động đi xây dựng, phát triển kinh tế miền núi.
- Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp và sản xuất vật chất khác.
- Diện tích gieo trồng các loại cây nông nghiệp.
- Diện tích, năng suất, sản lượng thu hoạch các loại cây nông nghiệp.
- Giá trị và số lượng một số sản phẩm trồng trọt chủ yếu đã giao nộp cho Nhà nước.
- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật trồng trọt, thủy lợi, làm đất, phòng trừ sâu bệnh, làm cỏ, bón phân.
- Số lượng và trọng lượng lợn đã bán cho nhà nước giết thịt và tiêu thụ.
- Số lượng trâu, bò của HTX, tập đoàn sản xuất nông nghiệp
- Kết quả phấn đấu giành 3 mục tiêu trong nông nghiệp “Một lao động làm 1 ha gieo trồng trong năm, 5 tấn thóc 2 vụ trên 1 ha, 2 con lợn trên một ha gieo trồng”.
- Chi phí sản xuất trên một đơn vị diện tích một số loại chủ yếu của HTX nông nghiệp và tập đoàn sản xuất.

*c. Trong lâm nghiệp, điển hình như:*

- Diện tích đã qui hoạch cho lâm trường quốc doanh.

- Diện tích và trữ lượng rừng quốc doanh có thể khai thác.
- Số lượng và công suất thiết bị máy móc chủ yếu của lâm trường quốc doanh.
- Số lượng lao động trong danh sách của LTQD.
- Tổng quỹ tiền lương danh nghĩa của ngành lâm trường.
- Giá trị tổng sản lượng lâm nghiệp
- Diện tích và số lượng hạt giống, cây giống các loại đã gieo ươm.
- Diện tích và số lượng cây đã trồng.
- Số lượng sản phẩm các loại cây đặc sản và hạt giống đã thu hoạch và giao nộp cho Nhà nước.

- Phòng chống cháy và bảo vệ rừng.
- Giá thành khoản mục của lâm trường quốc doanh.
- Chi phí cho 1 ha rừng trồng của các loại cây của lâm trường quốc doanh.

*d. Trong thống kê giao thông vận tải, điển hình như:*

- Chiều dài từng loại đường giao thông.
- Số lượng và công suất của từng loại phương tiện vận tải và bốc xếp.
- Số lượng lao động có trong danh sách của từng ngành vận tải.
- Sử dụng thời gian lao động của công nhân vận doanh, công nhân bốc xếp của từng ngành vận tải.
- Năng suất lao động của một công nhân vận doanh, bốc xếp của từng ngành vận tải.
- Tổng quỹ tiền lương của từng ngành vận tải, bốc xếp.

*e. Trong thống kê bưu điện, điển hình như:*

- Số lượng và qui mô mạng lưới điện.
- Chiều dài đường dây điện thoại, đường thư.
- Số lượng các phương tiện vận chuyển thư và bưu phẩm.
- Sử dụng thời gian của công nhân bưu điện.
- Tổng quỹ tiền lương danh nghĩa của ngành bưu điện.
- Doanh thu của ngành bưu điện.
- Số lượng báo chí phát hành.
- Giá thành khoản mục của ngành bưu điện.

*g. Trong thống kê XDCCB, điển hình như:*

- Số lượng và công suất thiết bị máy móc chủ yếu hiện có và đưa vào sử dụng.
- Sử dụng thời gian lao động của một số thiết bị, máy móc chủ yếu.
- Sử dụng thời gian lao động của công nhân xây dựng.
- Năng suất lao động của công nhân xây lắp.
- Vốn đầu tư đã hoàn thành.
- Tài sản cố định mới tăng.
- Giá trị khối lượng xây lắp nhận thầu hoàn thành.
- Khối lượng hiện vật chủ yếu trong giao thông, thủy lợi.
- Giá thành các công trình đã hoàn thành.

*h. Trong thống kê thương nghiệp, điển hình như:*

- Số lượng và quy mô mạng lưới thương nghiệp bán lẻ, HTX mua bán và ăn uống công cộng.
- Số lượng công suất từng loại kho hiện có.
- Số lượng cán bộ, nhân viên chuyên trách, xã viên HTX mua bán.
- Sử dụng thời gian lao động của nhân viên kinh doanh thương nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh.
- Tổng trị giá và số lượng lương thực do ngành lương thực thu mua của nông dân và HTX NN.
- Tỷ lệ thóc, ngô, khoai, sắn nhà nước huy động và tỷ lệ thu mua một số hàng nông sản chủ yếu.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội.
- Số lượng từng loại lương thực bán lẻ.
- Mức tiêu thụ bình quân đầu người một số mặt hàng chủ yếu.
- Cân đối thanh toán xuất, nhập khẩu.
- Tổng giá trị và số lượng hàng hóa dự trữ của thương nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh và HTX mua bán.
- Tổng mức chi phí lưu thông...

*i. Trong thống kê cung ứng vật tư kỹ thuật, điển hình như:*

- Số lượng và quy mô mạng lưới cung ứng.

- Số lượng và công suất các loại kho hiện có.
- Số lượng, chất lượng và năng lực vận tải, bốc xếp phục vụ cho cung ứng.
- Thực hiện định mức dự trữ vật tư.
- Tổng mức chi phí lưu thông...

*k. Trong thống kê tài sản cố định, điển hình như:*

- Giá trị tài sản cố định theo giá ban đầu và giá còn lại.
- Tăng giảm TSCĐ.
- Hệ số đổi mới, hệ số hao mòn, hệ số đào thải TSCĐ.
- Tổng mức lợi nhuận tính trên 1000 đồng TSCĐ.
- Giá trị TSCĐ bình quân một công nhân SX.
- Tăng, giảm quỹ khấu hao và khấu hao bình quân.

*l. Trong thống kê dân số, điển hình như:*

- Tổng dân số và dân số theo độ tuổi.
- Tăng giảm nhân khẩu tự nhiên.
- Di chuyển nhân khẩu.
- Số hộ.
- Trẻ em sơ sinh và tỷ lệ sinh
- Số người mẹ đẻ.
- Số người kết hôn, ly hôn và tỷ lệ kết hôn, ly hôn.
- Tuổi thọ bình quân.

*m. Trong thống kê lao động tiền lương, điển hình như:*

- Số lượng lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân.
- Số lượng lao động làm việc trong khu vực nhà nước.
- Số lượng và chất lượng cán bộ khoa học- kỹ thuật làm việc trong nền kinh tế quốc dân.
- Bảo hộ lao động và tai nạn lao động.
- Phát minh sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Tổng quỹ tiền lương danh nghĩa của CB, CNVC nhà nước.

*n. Trong thống kê cân đối kinh tế quốc dân, điển hình như:*

- Tổng sản phẩm xã hội.
- Thu nhập quốc dân.
- Tiêu hao vật chất.
- Quỹ tích lũy, tiêu dùng
- Các chỉ tiêu về năng suất lao động.
- Các chỉ tiêu về hiệu quả đồng vốn.

*o) Trong thống kê tài chính, điển hình như:*

- Cân đối thu chi ngân sách nhà nước.
- Tổng hợp thu ngân sách nhà nước.
- Tổng hợp chi ngân sách nhà nước.
- Thu chi ngân sách nhà nước về vay nợ và viện trợ.
- Thu chi ngân sách nhà nước từ kinh tế quốc dân và công ty hợp doanh.
- Thuế thu từ kinh tế tập thể và cá thể.
- Chi ngân sách nhà nước.

*p) Trong thống kê ngân hàng, điển hình như:*

- Tín dụng ngắn hạn tổng hợp (theo số dư).
- Tín dụng ngắn hạn tổng hợp (theo ngành kinh tế).
- Tín dụng ngắn hạn tổng hợp (theo đối tượng sử dụng vốn).
- Thu chi tiền mặt qua tổng hợp quỹ ngân hàng (theo địa phương).
- Tiền gửi tiết kiệm xã hội chủ nghĩa (theo số dư).
- Công nợ và thanh toán công nợ.

*q. Trong thống kê giáo dục - đào tạo, điển hình như:*

- Số trường học và lớp học các cấp phổ thông, bổ túc văn hóa, võ lòng, mẫu giáo.
- Số học sinh các cấp phổ thông, bổ túc văn hóa, võ lòng, mẫu giáo.
- Số học sinh các cấp phổ thông, bổ túc văn hóa, võ lòng, mẫu giáo.
- Số trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề.
- Số lượng và chất lượng cán bộ giảng dạy các trường dạy nghề.

*r. Trong thống kê văn hóa- thông tin, điển hình như:*

- Số sách báo, tạp chí, phim ảnh đã xuất bản, phát hành.
- Số đơn vị chiếu bóng, đơn vị nghệ thuật.
- Số buổi chiếu bóng và nghệ thuật, số lượt người xem chiếu bóng và nghệ thuật.
- Số thư viện và sách báo; số cán bộ, nhân viên thư viện và số lượt người đọc tại các thư viện.
- Số cuộc triển lãm và số lượt người xem.
- Số phim vô tuyến truyền hình, số phim đèn chiếu.
- Số tranh cổ động.

*s. Trong thống kê y tế, điển hình như:*

- Số lượng cơ sở nghiên cứu, khám và chữa bệnh.
- Số giường bệnh và sử dụng giường bệnh.
- Khám, chữa bệnh và kết quả chữa bệnh.
- Hoạt động bảo vệ bà mẹ, trẻ em, bảo vệ thai sản, khám chữa bệnh phụ khoa, tổ chức nhà trẻ.
- Số lượng công trình vệ sinh phòng bệnh, nhà tắm, hố xí, giếng nước.
- Số công nhân viên chức mắc bệnh nghề nghiệp của một số nghề chủ yếu.

*t. Trong thống kê thể dục, thể thao, điển hình như:*

- Số lượng cơ sở thể dục, thể thao; số lượng cán bộ thể dục, thể thao.
- Số người tham gia thể dục, thể thao thường xuyên.

*u. Trong thống kê đời sống nhân dân, điển hình như:*

- Đời sống công nhân viên chức.
- Thu nhập và chi tiêu bình quân đầu người hàng tháng của gia đình công nhân viên chức.
- Khối lượng tiêu dùng lương thực, thực phẩm, vải bình quân đầu người hàng tháng.
- Tiền mặt còn lại và tiền gửi tiết kiệm của hộ.
- So sánh đời sống công nhân viên chức với nông dân.
- Số nhà ăn và cơ sở vật chất của nhà ăn.

- Số bữa ăn, khối lượng tiêu dùng bình quân về lương thực, thực phẩm 1 suất ăn của nhà ăn tập thể.

- Khối lượng và mức cung cấp lương thực, thực phẩm của mậu dịch quốc doanh cho nhà ăn tập thể.

- Mua hàng hóa và bán sản phẩm bình quân một hộ nông dân 1 năm.

- Số nhân khẩu thiếu lương thực ăn khi giáp hạt.

- Mức sử dụng diện tích nhà ở và một số đồ dùng sinh hoạt, phương tiện đi lại bình quân 1 hộ gia đình nông dân.

- Cân đối lương thực và cân đối tiền mặt của gia đình nông dân.

## *2.2. Về thực hiện các cuộc điều tra thống kê:*

Đây là hoạt động quan trọng của ngành, nhằm thu thập thông tin thống kê những lĩnh vực chưa được thực hiện trong chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức. Hoạt động điều tra tập trung vào những lĩnh vực sau:

- Về nông nghiệp: Điều tra kết thúc diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng cây trồng; điều tra các loại chăn nuôi gia súc, gia cầm; điều tra lao động trong nông nghiệp; điều tra thu nhập, phân phối của của HTX nông nghiệp, điều tra và thống kê đất.

- Về thương nghiệp, đời sống, văn xã: đã tiến hành điều tra hàng hóa tồn kho, điều tra tiểu thương, điều tra ngân sách gia đình công nhân viên chức và nông dân, điều tra giá cả và hàng hóa bán lẻ của thị trường tự do, điều tra nhà ở và tư liệu sinh hoạt.

- Về lao động, dân số: đã tiến hành tổng điều tra dân số năm 1979.

- Về giao thông vận tải: đã triển khai các cuộc điều tra giao thông nông thôn, điều tra vận tải hàng hóa, hành khách thuộc thành phần tập thể và cá thể, điều tra mạng lưới giao thông công cộng.

- Về công nghiệp: đã tiến hành điều tra sản xuất tiểu thủ công nghiệp của thành phần kinh tế tập thể và hộ gia đình.

Từ số liệu thu thập được, các báo cáo thống kê đã chú trọng phân tích những yếu tố và nguyên nhân ảnh hưởng việc tăng, giảm so cùng kỳ cũng như kết quả thực hiện so kế hoạch nhà nước giao. Bên cạnh đó, ngành Thống kê bằng phương pháp khoa học đã chủ động dự báo kinh tế-xã hội, đề xuất những giải pháp nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế. Tuy còn có những hạn chế nhất định, nhưng báo cáo thống kê kinh tế tổng hợp hàng năm của Chi cục Thống kê và Phòng Thống kê cấp huyện đều được lãnh đạo địa phương đánh giá cao và chiếm vị trí quan trọng trong báo cáo đánh giá kết quả thực hiện

kế hoạch nhà nước hàng năm của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh và huyện. Ngoài ra, Chi cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng còn lập một số bảng cân đối của nền kinh tế địa phương thuộc hệ thống bảng cân đối kinh tế quốc dân như: bảng cân đối lao động xã hội, bảng cân đối tài sản cố định, bảng cân đối vật chất tổng hợp (bảng cân đối sản xuất và sử dụng tổng sản phẩm xã hội, thu nhập quốc dân), các bảng cân đối sản phẩm công nghiệp, nông nghiệp như: cân đối điện năng, cân đối gia cầm, cân đối thịt lợn, cân đối thóc, ngô, khoai, sắn ...

Kết thúc kế hoạch 5 năm (1976-1980) và (1981-1985), ngành Thống kê tỉnh Lâm Đồng đã huy động lực lượng để kiểm tra, rà soát lại hệ thống số liệu của từng địa phương. Trên cơ sở đó, phân tích kết quả thực hiện từng mục tiêu kinh tế - xã hội đã được Đại hội Đảng các cấp đề ra. Nền tảng quan trọng nhất là thông qua số liệu báo cáo thống kê chính thức hàng năm, niên giám thống kê hàng năm, ngành Thống kê đã tạo được dãy số liệu thống kê có độ tin cậy, có hệ thống liên hoàn giúp cho việc phân tích đánh giá có cơ sở khoa học và thực tiễn làm căn cứ cho các cấp, các ngành hoạch định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Đặc biệt lãnh đạo Thống kê các cấp còn tham gia vào tiểu ban nội dung chuẩn bị văn kiện Đại hội Đảng các cấp.

Trong công tác chỉ đạo của địa phương đối với hoạt động của ngành Thống kê, ngày 19/4/1984 UBND tỉnh Lâm Đồng đã ban hành Chỉ thị số 22/CT-UB về việc thực hiện Chỉ thị số 295-CT ngày 14/11/1983 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc tiếp tục tăng cường và hoàn thiện công tác thống kê. Chỉ thị nêu rõ:

*1. Chấn chỉnh và tăng cường công tác hạch toán: tổ chức và tiến hành tốt công tác hạch toán ở cơ sở là căn cứ đảm bảo tính trung thực, tính kịp thời của thông tin của thông tin kinh tế. Các Sở, ngành và UBND các cấp có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo và bảo đảm các điều kiện tài chính, vật chất cho công tác hạch toán ở các đơn vị do mình quản lý. Giám đốc các đơn vị cơ sở có trách nhiệm trực tiếp thực hiện tốt công tác hạch toán theo đúng những quy định hiện hành của Nhà nước. Cục Thống kê tỉnh cùng Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, bảo đảm thống nhất chế độ hạch toán, nhằm lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, tăng cường công tác kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước. Ngay trong năm 1984, cần sơ kết công tác hạch toán cơ sở, đánh giá việc thực hiện chế độ ghi chép ban đầu, lập sổ sách trung gian để tìm ra và khắc phục các mặt yếu kém nhằm tiếp tục xây dựng và hoàn thiện công tác hạch toán trong những năm tới.*

*2. Soát xét lại, bổ sung, sửa đổi hệ thống chỉ tiêu thống kê và phương pháp tính toán hiện có cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, đặc biệt coi trọng các chỉ tiêu về xã*

hội, năng suất, chất lượng, hiệu quả và tiến bộ khoa học kỹ thuật. Ngành thống kê phải quản lý tốt hơn việc ban hành thống nhất biểu mẫu chứng từ, biểu mẫu báo cáo. Theo tinh thần đó, từ nay (1984) các sở, ban, ngành, UBND các huyện và thành phố Đà Lạt do nhu cầu có thông tin riêng, có thể xây dựng để đáp ứng trong phạm vi quản lý của mình các biểu mẫu cần thiết, nhưng trước khi ban hành phải được phải được Cục Thống kê tỉnh thoả thuận bằng văn bản, và quyết định của UBND tỉnh. Đồng thời giao trách nhiệm cho Cục Thống kê thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý thống nhất việc ban hành biểu mẫu theo tinh thần Chỉ thị của Chủ tịch HĐBT giao cho “ Ngành Thống kê tiến hành in sẵn các chứng từ, biểu mẫu báo cáo cho các đơn vị, nhằm bảo đảm tính thống nhất và chính xác của số liệu, tạo điều kiện kiểm soát của nhà nước và xử lý bằng phương tiện hiện đại”.

3. Đề cao kỷ luật chấp hành chế độ báo cáo thống kê, chế độ hạch toán: Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các cấp và giám đốc các đơn vị cơ sở có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ hạch toán, chế độ báo cáo thống kê; phải có biện pháp khắc phục tình trạng báo cáo thống kê không đúng sự thật, không đầy đủ và chậm trễ; giáo dục ý thức hạch toán trung thực. Cục Thống kê có quyền thanh tra, kiểm tra các sở, ban, ngành, phòng thống kê các huyện, thành phố, các đơn vị cơ sở (kể cả đơn vị TW đóng trên địa bàn của tỉnh). Phòng Thống kê các huyện, thành phố có quyền thanh tra, kiểm tra các phòng các đơn vị cơ sở do huyện quản lý và một số đơn vị cơ sở do Trung ương, tỉnh quản lý trên địa bàn huyện do Cục Thống kê uỷ quyền. Hàng năm, tổ chức thống kê các Sở (ban, ngành), Phòng Thống kê các huyện, thành phố phải báo cáo tình hình thực hiện chế độ hạch toán và thống kê, kèm theo kiến nghị thưởng, phạt những đơn vị chấp hành tốt và chưa tốt chế độ báo cáo đó. Cục Thống kê tỉnh cùng giám đốc các Sở (ban, ngành) liên quan nghiên cứu trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định các hình thức xử phạt đối với những cá nhân và đơn vị cố tình báo cáo số liệu sai sự thật.

4. Bảo đảm điều kiện vật chất cho công tác thống kê: Để thiết thực giúp cho ngành Thống kê thực hiện tốt các yêu cầu của Đảng và Nhà nước theo tinh thần chỉ thị của Hội đồng Bộ trưởng, UBND tỉnh giao trách nhiệm cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Văn hóa, Công ty Vật tư kỹ thuật, Sở Thương nghiệp giải quyết các điều kiện vật chất như giấy, phương tiện ấn loát, phương tiện đi lại, kinh phí... các Sở (ban, ngành) UBND các huyện, thành phố, xã, phường trong phạm vi khả năng của mình cũng có trách nhiệm giải quyết các điều kiện tài chính, vật chất khác cho hoạt động hạch toán và thống kê của ngành, cấp mình...”

Về công tác tổ chức thống kê, Chỉ thị số 22/CT-UB ngày 19/4/1984 UBND tỉnh Lâm Đồng nêu rõ “... Tăng cường thêm một bước hệ thống tổ chức thống kê...” như sau:

a. Hệ thống thống kê nhà nước: Được quản lý theo ngành dọc gồm Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê tỉnh và Phòng Thống kê huyện, thành phố trực thuộc tỉnh; phải phát huy cho được vai trò chủ đạo trong toàn ngành Thống kê, cần được kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Cục Thống kê, đặc biệt cấp huyện. Cục Thống kê tỉnh có trách nhiệm cùng Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Đà Lạt có kế hoạch củng cố ngay bộ máy các Phòng Thống kê huyện và thành phố...

b. Tổ chức thống kê các Sở (ban, ngành): Là một bộ phận không thể thiếu được trong hệ thống tổ chức của ngành Thống kê. Nhưng nhìn chung tổ chức thống kê này rất yếu, chưa đủ sức chỉ đạo tổ chức thực hiện chế độ hạch toán, thống kê cơ sở do mình quản lý và chưa phục vụ tốt cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý của Giám đốc Sở (ban, ngành). Do đó Giám đốc Sở (ban, ngành) cần chấn chỉnh và tăng cường ngay tổ chức và công tác thống kê của mình trong 6 tháng đầu năm 1984.

c. Tổ chức thống kê cơ sở: Giám đốc Sở (ban, ngành), Chủ tịch UBND các cấp và Giám đốc các đơn vị cơ sở cần chấn chỉnh và tăng cường đúng mức tổ chức thống kê, bố trí đủ và ổn định đội ngũ cán bộ thống kê cơ sở. Đối với xã, phường cần có cán bộ chuyên trách và có thể thành lập Ban Thống kê xã, phường gồm: Thống kê chuyên trách làm Trưởng ban và thống kê các Hợp tác xã, Tập đoàn sản xuất nông nghiệp, ủy viên. Chủ tịch UBND các huyện và thành phố Đà Lạt có kế hoạch cụ thể, khẩn trương chỉ đạo UBND các xã, phường chọn người đảm bảo đủ tiêu chuẩn chính trị, văn hóa, chuyên trách lâu dài để chấn chỉnh nhằm tăng cường và củng cố bộ máy thống kê xã, phường đang yếu, kém hiện nay. Đồng thời nghiên cứu chế độ đãi ngộ thỏa đáng, thích hợp với địa phương và chức năng, nhiệm vụ công tác, đề nghị với Cục Thống kê tỉnh để Cục Thống kê tỉnh tổng hợp, nghiên cứu lập phương án trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ biên chế và chế độ đãi ngộ.

d. Nguyên tắc chuyên môn hóa cán bộ thống kê: Cán bộ thống kê cần được chuyên môn hóa cao, cho nên từ nay (1984) cần phải ổn định đội ngũ và tạo mọi điều kiện về tinh thần, vật chất thỏa đáng để cán bộ làm thống kê yên tâm công tác và không nên điều động cán bộ thống kê làm việc khác, trong trường hợp cần thiết phải điều động làm công tác khác phải có ý kiến nhất trí của cơ quan thống kê và thủ trưởng quản lý cấp trên quyết định..."

### **3. Về công tác tổ chức cán bộ:**

Công tác tổ chức bộ máy và cán bộ có nhiều thay đổi, thời gian đầu từ khi thành lập đến năm 1983 là Chi cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng, đến đầu năm 1984 đổi thành Cục Thống kê tỉnh Lâm Đồng; các phòng nghiệp vụ ở Văn phòng Cục có 7 phòng gồm:

- Phòng Tổng hợp;
- Phòng Cân đối;
- Phòng Công nghiệp;
- Phòng Thương nghiệp;
- Phòng Nông nghiệp;
- Phòng Tổ chức – Hành chính;
- Phòng Máy tính.

Đối với cấp huyện, ngày 14/3/1979, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định số 116-CP chia một số huyện thuộc tỉnh Lâm Đồng: chia huyện Bảo Lộc thành hai huyện lấy tên là huyện Bảo Lộc và huyện Đạ Huoai; chia huyện Đơn Dương thành hai huyện Đơn Dương và Lạc Dương, nâng tổng số đơn vị hành chính của tỉnh lên 07 đơn vị – đồng nghĩa với việc có 7 Phòng Thống kê gồm:

- Phòng Thống kê Đà Lạt
- Phòng Thống kê Lạc Dương
- Phòng Thống kê Đơn Dương
- Phòng Thống kê Đức Trọng
- Phòng Thống kê Di Linh
- Phòng Thống kê Bảo Lộc
- Phòng Thống kê Đạ Huoai

Đối với Thống kê cấp xã thời kỳ này mỗi xã, phường, thị trấn có 01 Ban Thống kê do 01 cán bộ chuyên trách làm Trưởng ban. Hoạt động của Ban Thống kê do Phòng Thống kê huyện, thành phố trực tiếp quản lý, điều hành và đảm bảo kinh phí hoạt động theo kế hoạch công tác của ngành Thống kê; lương và các khoản phụ cấp do UBND địa phương đài thọ.

Công tác tổ chức cán bộ liên tục được bổ sung cả số lượng và chất lượng, thời điểm 30/12/1976 tổng biên chế toàn ngành có 37 người, đến thời điểm 30/9/1983 là 89 người (kế hoạch biên chế giao đến 31/12/1983 là 109 người) trong đó: Chi cục Thống kê 45 người, Phòng Thống kê các huyện, thành phố 44 người (trong tổng số biên chế, số có trình độ đại học 13 người, chiếm 14,6%, số có trình độ trung học 49,4%); đến 15/5/1986 là 100 người, trong đó Văn phòng Cục có 50 người, thống kê cấp huyện, thành phố có 50 người. Phòng Thống kê cấp huyện có số biên chế nhiều nhất là 9 người (Phòng Thống kê Đà Lạt), thấp nhất là 6 người.

Lãnh đạo Chi cục Thống kê tỉnh đến tháng 10 năm 1979 gồm 03 người là ông Phạm Ngọc Diệp giữ chức Chi cục trưởng, ông Bùi Phụng và ông Lê Quang Bích giữ chức Chi cục phó. Tháng 11/1979 ông Phạm Ngọc Diệp được Tổng cục Thống kê điều động ra công tác tại Tổng cục Thống kê. Tháng 01/1980 ông Lê Quang Bích được bổ nhiệm giữ chức Chi cục trưởng và ông Trần Sỹ Thứ được bổ nhiệm giữ chức Chi cục phó. Năm 1982 ông Bùi Phụng được điều động giữ chức Chi cục phó Chi cục Thống kê tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, lãnh đạo Chi cục giai đoạn này đến khi Ông Lê Quang Bích nghỉ hưu (năm 1987) chỉ có Chi cục trưởng và 01 Chi cục phó.

#### **4. Về cơ sở vật chất phục vụ công tác của ngành:**

Sau 03 năm kể từ ngày thành lập, cơ sở vật chất của Chi cục Thống kê của tỉnh được bổ sung từ nhiều nguồn nhằm đáp ứng yêu cầu xử lý công việc ngày càng nhiều cũng như tạo điều kiện ổn định cho CBCNV chưa có nhà ở. Đến cuối năm 1979, số lượng cơ sở vật chất do Chi cục Thống kê quản lý gồm có:

- Nhà ở: 553 m<sup>2</sup> (khi đó CBCNV ở xen kẽ trong các khu nhà làm việc)
- Nhà làm việc: 1.082 m<sup>2</sup>
- Xe ô tô Jeep: 4 chiếc (Phòng Thống kê Bảo Lộc 01, Di Linh 01, Đức Trọng 01 và cơ quan Chi cục 01)
- Xe ô tô hiệu La DaLat: 01 chiếc
- Xe ô tô hiệu Peugeot - 504: 01 chiếc
- Máy điện thoại: 10 chiếc
- Máy tính điện cơ các loại (Ascota 314): 20 chiếc
- Máy tính quay tay các loại (Nisa): 15 chiếc
- Máy đánh chữ: 10 chiếc
- Máy quay Ronéo chạy điện: 01 chiếc
- Máy quay Ronéo quay tay: 01 chiếc
- Xe Honda - 50: 01 chiếc
- Vô tuyến truyền hình (ti vi): 01 chiếc
- Xe đạp 05 chiếc
- Và một số tài sản khác...